français de sammi

Leçon 9

Mots nouveaux

(n.f) Đại lý BĐS: _____

(a.m) Cũ: _____

(a.f) Cũ: _____

(n.m) Căn hộ:_____

(n.m) Thang máy: _____

Ở cuối (của): _____

(a.m) Ồn: _____

(a.f) Ồn: _____

(n.m) Bàn làm việc, phòng làm việc:

_____

(a) Yên tĩnh: _____

Ở nhà, tại: _____

(a.m) Sáng sủa: _____

(a.f) Sáng sủa: _____

Ở góc: _____

(n.m) Hành lang: _____

(n.f) Nhà bếp : _____

Cuối cùng, vừa qua: _____

Thứ 2: _____

(n.f) Vòi sen, sự tắm: _____

(n.f) Lối vào: _____

(n.m) Tầng: _____

Đối diện (với) : _____

(n.m) Tòa nhà : _____

(v) Thuê : _____

(Lời chào cuối thư) : _____

(n.m) m2 : _____

(n.m) Tháng : _____

Ở đâu, nơi : _____

(n.m) Bãi đỗ xe : _____

(n.f) Thông báo, tin báo: _____

(n.m) Tủ hộc tường : _____

(n.m) Bản đồ : _____

Thứ nhất : _____

Gần (với) : _____

(a.m) Mới : _____

(a.f) Mới: _____

(n.m) Người phụ trách : _____

(n.f) Người phụ trách : _____

(n.m) Tầng trệt : _____

(n.f) Nhà tắm : _____

(n.m) Phòng khách : _____

(n.m) Sự lưu trú, sự nghỉ, phòng nghỉ (vừa là phòng khách, vừa là phòng ăn),… :

_____

(a) Tối : _____

Nhà vệ sinh : _____

Ghi chú :
n : danh từ
a : tính từ
v : động từ
f : giống cái
m : giống đực

LIVEWORKSHEETS